BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 891 /GCN-BXD	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Việt Phương và Biên bản đánh giá ngày 19 tháng 6 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Việt Phương

Địa chỉ: Số 202 Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Mã số thuế: 2400617376

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1586.**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 236/QĐ-BXD ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần TV&XD Việt Phương;
- Sở XD tỉnh Bắc Giang;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1586

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số: 891/GCN-BXD, ngày 02 tháng 7 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 95
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 95
4	Xi măng pooc lăng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 2682:09 TCVN 6260:09
5	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:09
6	XĐ nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:05
7	Cát tiêu chuẩn để thử xi măng – Phương pháp thử	TCVN 139:91
8	Cát tiêu chuẩn ISO để xác định cường độ xi măng – PP thử	TCVN 6227:96
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG	
9	Lấy mẫu bê tông và chế tạo mẫu thử	TCVN 3105:93
10	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106 :1993
11	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107 :1993
12	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993
13	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109 :1993
14	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :1993
15	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113 :1993
16	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115 :1993
17	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 :1993
18	Thử độ co	TCVN 3117 :1993
19	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118 :1993
20	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119 :1993
21	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 3126 :1993
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
22	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572 – 2: 06
23	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572 – 4: 06
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 5: 06
25	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572 – 6: 06
26	Xác định độ ẩm	TCVN 7572 – 7: 06
27	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sột cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 – 8: 06
28	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572 – 9: 06
29	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572 – 10: 06
30	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 11: 06
31	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572 – 12: 06
32	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572 – 13: 06
33	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572 – 17: 06
34	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 – 20: 06
35	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 – 91
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
36	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121 – 1: 03

37	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121 – 2: 03
38	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121 – 3: 03
39	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121 – 6: 03
40	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121 – 8: 03
41	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121 – 9: 03
42	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121 – 10: 03
43	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121 – 11: 03
44	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121 – 18: 03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY DỰNG	
45	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355 – 1: 09
46	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355 – 2: 09
47	Xác định độ hút nước	TCVN 6355 – 3: 09
48	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355 – 4: 98
49	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 – 5: 09
50	Xác định độ rỗng	TCVN 6355 – 6: 09
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
51	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 95
52	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 95
53	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 95
54	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 95
55	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 95
56	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 95
57	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 95
58	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202: 95
59	Xác định hệ số thấm K	TCVN 4202: 95
60	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR), trong phòng thí nghiệm	ASTM D 2434 – 00
	BÊ TÔNG NHỰA	
61	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860 – 1: 11
62	PP xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860 – 2: 11
63	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860 – 3: 11
64	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860 – 4: 11
65	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860 – 5: 11
66	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860 – 6: 11
67	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860 – 7: 11
68	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860 – 8: 11
69	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860 – 9: 11
70	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860 – 10: 11
71	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860 – 11: 11
72	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860 – 12: 11
	NHỰA BITUM	
73	Xác định độ kim lún ở 25^0C	TCVN 7495 : 05
74	Xác định độ kéo dài của nhựa đường ở 25^0C	TCVN 7496 : 05
75	Xác định nhiệt độ hoá mềm (Phương pháp vũng và bi)	TCVN 7497 : 05
76	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498 : 05
77	XĐ lượng tổn thất sau khi đun nóng ở nhiệt độ 163^0C trong 5h	TCVN 7499 : 05
78	Xác định lượng hoà tan của nhựa trong Tricloretylen	TCVN 7500 : 05
79	Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501 : 05
80	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502 : 05

81	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 05
	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
82	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước	22 TCN 58-84
83	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
84	KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84
85	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
86	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58-84
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
87	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22 TCN 02-71
88	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346-06
89	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864: 11
90	Xác định modun đàn hồi theo độ vừng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkeman	TCVN 8867: 11
91	Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861: 11
92	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	ASTM D4429 – 92
93	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 1548: 87
94	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp bột từ, phương pháp thẩm thấu	ASME VIII; AWS D1.1; TCVN 4396:86; TCVN 4617:88
95	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCXD 171:89
96	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCXDVN 269: 02
97	Thí nghiệm cọc khoan nhồi PP Siêu âm	TCXDVN 80: 02
98	Đo điện trở đất	TCXDVN 46:07
99	Xác định sức chịu tải của đất, cát đắp nền	ASTM D1194:94
100	Đất xây dựng – PP thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh	TCXDVN 80:02
101	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCXD 240:2000
102	Trắc địa công trình xây dựng	TCXDVN 309:05
103	Kiểm định và thử tải Cầu	22 TCN 243-98
104	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT	TCXD 174:89
105	Thí nghiệm xuyên động	ASTM D1586:92
106	Thí nghiệm cát cánh hiện trường (FVT)	ASTM D1573:94
107	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCXD 226:99
	THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH BENTONITE	
108	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát	TCVN 9395:2012
109	Tỉ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh	TCVN 9395:2012
	PHÂN TÍCH HÓA CHO NƯỚC XÂY DỰNG	
110	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
111	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
112	Xác định độ pH	TCVN 6492:99
113	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:96
114	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{--})	TCVN 6200:96
115	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
116	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:00
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
117	Thử kéo	TCVN 197:2002
118	Thử uốn	TCVN 198:85
119	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:91

120	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:91
121	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91
122	Ống thép hàn - Thử siêu âm mối hàn để phát hiện các khuyết tật	TCVN 6116:96
123	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
124	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:91
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
125	Xác định cường độ và độ giãn dài	ASTM D4595-94
126	Xác định CRB đâm thủng	ASTM D6249-98
127	Xác định chiều dày	ASTM D5199-98
128	Xác định kích thước lỗ	ASTM D4751-99
129	Xác định hệ số thấm	ASTM D4491-99
130	Xác định khối lượng đơn vị	ASTM D4632-96
131	Xác định lực kéo dật và độ giãn dài	ASTM D4595-94
	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
132	Xác định đầm nèn chặt	22TCN 59-84
133	Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59-84
134	Xác định môđun đàn hồi	22TCN 59-84
135	Xác định độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà - sấy	22TCN 59-84
136	Xác định cường độ kháng kéo	22TCN 59-84
137	Xác định môdul đàn hồi cả VL đá gia cố chất kết dính vô cơ	22TCN 72:84
138	XĐ cương độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng các chất kết dính	22TCN 73:84
139	Thành phần cấp phối hạt của vật liệu	22TCN 57:84
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLÓC BÊ TÔNG NHẸ	
140	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCXDVN 317:04
141	Xác định cường độ nén	TCXDVN 317:04
142	Xác định khối lượng thể tích khô	TCXDVN 317:04
143	Xác định độ hút nước	TCXDVN 317:04
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
144	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
145	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
146	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99
147	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
148	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477 : 16
149	Xác định cường độ nén	TCVN 6477 : 16
150	Xác định độ rỗng	TCVN 6477 : 16
151	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477 : 16
152	Xác định độ hút nước	TCVN 6477 : 16
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ỐP LÁT	
153	Xác định kích thước và hình dạng, hút nước, bền uốn	TCVN 6415:05
154	Xác định độ va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415:05
155	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men, phủ men	TCVN 6415:05
156	Xác định hệ số dãn nở nhiệt dài	TCVN 6415:05
157	Xác định độ bền nhiệt, độ bền hóa học	TCVN 6415:05
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
158	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
159	Xác định độ mài mòn, hút nước, lực va đập xung kích, uốn, độ cứng bề mặt, khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6065:1995
160	Thử cơ lý của gạch lát	TCVN 6074:1995
	THỬ NGHIỆM GẠCH GRANIT	

161	Xác định chất lượng bề mặt, kích thước, độ hút nước, độ mài mòn, độ bền uốn, khối lượng thể tích, khối lượng riêng, …	TCVN 6883:98
	THÍ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT XÂY DỰNG	
162	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 4732:07
163	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4732:07
164	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 4732:07
165	Xác định kích thước khuyết tật	TCVN 4732:07
166	Xác định độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 4732:07
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ	
167	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 4048-1:09
168	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 4048-5:09
169	Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 4048-7:09
170	Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh	TCVN 4048-3:09
171	Xác định giới hạn bền khi trượt và cắt	TCVN 4048-9:09
172	Xác định độ hút nước và độ dãn dài	TCVN 4046:09
173	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4048-2:09
174	Thử cơ lý của gỗ nhân tạo	CSN 49 2612
175	Xác định độ bền uốn va đập	TCVN 4048-10:09
	THỬ NGHIỆM SƠN	
176	Xác định độ mịn	TCVN 2091:08
177	Xác định độ nhớt	TCVN 2092:08
178	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:08
179	Xác định độ phủ	TCVN 2095:08
180	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:08
181	Xác định độ bóng phản quang của màng sơn	TCVN 2001:08
182	Xác định mầu sắc	TCVN 2002:08
183	Xác định tỷ trọng	IOS 2811-1:11
184	Xác định các chỉ tiêu cơ lý sơn tường dạng nhũ tương	TCVN 8653:12
185	Xác định dính bám	ASTM D4541
186	Thí nghiệm sơn kẻ đường	22TCN282:02
187	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 6934:01
	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA	
188	Xác định độ va đập	TCVN 7305:2003
189	Thử áp suất ống	TCVN 7305:2003
190	Thử độ chịu nhiệt	ASTM D1525
191	Thử độ bền đứt	TCVN 7404:34

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.